

Số: 719 /TB-HĐTTS

Hải Phòng, ngày 06 tháng 08 năm 2018

THÔNG BÁO
Điểm chuẩn trúng tuyển đại học hệ chính quy năm 2018 - Đợt 1
của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam

Kính gửi: - Các đơn vị trong toàn Trường
- Các thí sinh đăng ký xét tuyển vào Trường ĐHHHVN

Trường Đại học Hàng hải Việt Nam thông báo điểm trúng tuyển vào đại học hệ chính quy năm 2018 - Đợt I đối với các thí sinh đã đăng ký xét tuyển vào Trường, cụ thể như sau:

I. Phương thức xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia năm 2018

Điểm chuẩn trúng tuyển (của các môn thi phù hợp với tổ hợp môn xét tuyển của Nhà trường) của các thí sinh thuộc **KV3**, đối tượng **10** (diện không ưu tiên) như sau:

TT	Mã ngành/ c. ngành	Tên ngành/chuyên ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Điểm trúng tuyển
	7840104	Ngành Kinh tế vận tải		
1	7840104D401	Chuyên ngành Kinh tế vận tải biển		19.0
2	7840104D410	Chuyên ngành Kinh tế vận tải thủy		17.5
3	7840104D407	Chuyên ngành Logistics và chuỗi cung ứng		20.0
	7340120	Ngành Kinh doanh quốc tế		
4	7340120D402	Chuyên ngành Kinh tế ngoại thương		20.5
	7340101	Ngành Quản trị kinh doanh		
5	7340101D403	Chuyên ngành Quản trị kinh doanh		18.5
6	7340101D404	Chuyên ngành Quản trị tài chính kế toán		18.0
7	7340101D411	Chuyên ngành Quản trị tài chính ngân hàng		17.5
	7380101	Ngành Luật		
8	7380101D120	Chuyên ngành Luật hàng hải	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Anh Toán, Văn, Lý	16.0
	7840106	Ngành Khoa học Hàng hải		
9	7840106D101	Chuyên ngành Điều khiển tàu biển		14.5
10	7840106D102	Chuyên ngành Khai thác máy tàu biển		14.0
	7520207	Ngành Kỹ thuật điện tử truyền thông		
11	7520207D104	Chuyên ngành Điện tử viễn thông		14.0
	7520216	Ngành Kỹ thuật điều khiển & Tự động hóa		
12	7520216D103	Chuyên ngành Điện tự động tàu thủy		14.0
13	7520216D105	Chuyên ngành Điện tự động công nghiệp		17.5
14	7520216D121	Chuyên ngành Tự động hóa hệ thống điện		14.0

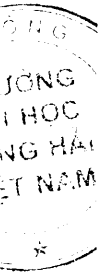
TT	Mã ngành/ c. ngành	Tên ngành/chuyên ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Điểm trúng tuyển
	7520122	Ngành Kỹ thuật tàu thủy		
15	7520122D106	Chuyên ngành Máy tàu thủy		14.0
16	7520122D107	Chuyên ngành Thiết kế tàu & công trình ngoài khơi		14.0
17	7520122D108	Chuyên ngành Đóng tàu và công trình ngoài khơi		14.0
	7520103	Ngành Kỹ thuật cơ khí		
18	7520103D128	Chuyên ngành Máy và tự động công nghiệp		14.0
19	7520103D109	Chuyên ngành Máy và tự động hóa xếp dỡ	Toán, Lý, Hóa	14.0
20	7520103D116	Chuyên ngành Kỹ thuật cơ khí	Toán, Lý, Anh	15.0
21	7520103D117	Chuyên ngành Kỹ thuật cơ điện tử	Toán, Văn, Anh	15.5
22	7520103D122	Chuyên ngành Kỹ thuật ô tô	Toán, Văn, Lý	17.25
23	7520103D123	Chuyên ngành Kỹ thuật nhiệt lạnh		14.0
	7580203	Ngành Kỹ thuật công trình biển		
24	7580203D110	Chuyên ngành Xây dựng công trình thủy		14.0
25	7580203D111	Chuyên ngành Kỹ thuật an toàn hàng hải		14.0
	7580201	Ngành Kỹ thuật công trình xây dựng		
26	7580201D112	Chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp		14.0
27	7580201D127	Chuyên ngành Kiến trúc và nội thất	Toán, Văn, Vẽ Toán, Anh, Vẽ Toán, Lý, Vẽ Toán, Hóa, Vẽ (Vẽ MT hệ số 2)	20.0
	7580205	Ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông		
28	7580205D113	Chuyên ngành Kỹ thuật cầu đường		14.0
	7480201	Ngành Công nghệ thông tin		
29	7480201D114	Chuyên ngành Công nghệ thông tin	Toán, Lý, Hóa	18.5
30	7480201D118	Chuyên ngành Công nghệ phần mềm	Toán, Lý, Anh	17.0
31	7480201D119	Chuyên ngành Kỹ thuật truyền thông và mạng máy tính	Toán, Văn, Anh Toán, Văn, Lý	15.5
	7520320	Ngành Kỹ thuật môi trường		
32	7520320D115	Chuyên ngành Kỹ thuật môi trường		14.0
33	7520320D126	Chuyên ngành Kỹ thuật công nghệ hóa học		14.0
	7220201	Ngành Ngôn ngữ Anh		
34	7220201D124	Chuyên ngành Tiếng Anh thương mại	Toán, Văn, Anh Toán, Lý, Anh Toán, Địa, Anh	25.0
35	7220201D125	Chuyên ngành Ngôn ngữ Anh	Văn, Sử, Anh (T. Anh hệ số 2)	25.5

TT	Mã ngành/ c. ngành	Tên ngành/chuyên ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Điểm trúng tuyển
NHÓM CÁC CHUYÊN NGÀNH CHẤT LƯỢNG CAO				
	7520216	Ngành Kỹ thuật điều khiển & Tự động hóa		
36	7520216H105	Chuyên ngành Điện tự động công nghiệp (CLC)	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Anh Toán, Văn, Lý	14.0
	7480201	Ngành Công nghệ thông tin		
37	7480201H114	Chuyên ngành Công nghệ thông tin (CLC)		14.0
	7840104	Ngành Kinh tế vận tải		
38	7840104H401	Chuyên ngành Kinh tế vận tải biển (CLC)		14.5
	7340120	Ngành Kinh doanh quốc tế		
39	7340120H402	Chuyên ngành Kinh tế ngoại thương (CLC)	16.0	
NHÓM CÁC CHUYÊN NGÀNH THUỘC CHƯƠNG TRÌNH TIÊN TIẾN				
	7840104	Ngành Kinh tế vận tải	Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Anh Toán, Hóa, Anh Văn, Địa, Anh	
40	7840104A408	Chuyên ngành Kinh tế Hàng hải		16.0
	7340120	Ngành Kinh doanh quốc tế		
41	7340120A409	Chuyên ngành Kinh doanh quốc tế và logistics		18.5
	52340101	Ngành Quản trị kinh doanh		
42	7340101A403	Chuyên ngành Quản lý kinh doanh và marketing		17.5

- Điểm trúng tuyển các chuyên ngành: Tiếng Anh thương mại, Ngôn ngữ Anh, Kiến trúc và nội thất tính theo thang điểm 40.
- Tất cả các đối tượng ưu tiên thuộc các khu vực: **1, 2, 2NT** và thuộc diện đối tượng ưu tiên (từ 01 đến 07) được hưởng điểm ưu tiên theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

II. Phương thức xét tuyển theo kết quả học tập 3 năm THPT (xét học bạ)

TT	Mã ngành/ c. ngành	Tên ngành/chuyên ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Điểm trúng tuyển
	7840106	Ngành Khoa học Hàng hải	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Anh Toán, Văn, Lý	
1	7840106D101	Chuyên ngành Điều khiển tàu biển		6.8
2	7840106D102	Chuyên ngành Khai thác máy tàu biển		5.6
	7520207	Ngành Kỹ thuật điện tử truyền thông		
3	7520207D104	Chuyên ngành Điện tử viễn thông		6.5
	7520216	Ngành Kỹ thuật điều khiển & Tự động hóa		
4	7520216D103	Chuyên ngành Điện tự động tàu thủy		6.0
5	7520216D105	Chuyên ngành Điện tự động công nghiệp		7.4
6	7520216H105	Chuyên ngành Điện tự động công nghiệp CLC	6.2	



TT	Mã ngành/ c. ngành	Tên ngành/chuyên ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Điểm trung tuyển
7	7520216D121	Chuyên ngành Tự động hóa hệ thống điện		5.9
	7520122	Ngành Kỹ thuật tàu thủy		
8	7520122D106	Chuyên ngành Máy tàu thủy		5.6
9	7520122D107	Chuyên ngành Thiết kế tàu & công trình ngoài khơi		5.7
10	7520122D108	Chuyên ngành Đóng tàu và công trình ngoài khơi		6.4
	7520103	Ngành Kỹ thuật cơ khí		
11	7520103D128	Chuyên ngành Máy và tự động công nghiệp		5.8
12	7520103D109	Chuyên ngành Máy và tự động hóa xếp dỡ	Toán, Lý, Hóa	6.0
13	7520103D116	Chuyên ngành Kỹ thuật cơ khí	Toán, Lý, Anh	7.4
14	7520103D117	Chuyên ngành Kỹ thuật cơ điện tử	Toán, Văn, Anh	7.8
15	7520103D122	Chuyên ngành Kỹ thuật ô tô	Toán, Văn, Lý	8.0
16	7520103D123	Chuyên ngành Kỹ thuật nhiệt lạnh		6.0
	7580203	Ngành Kỹ thuật công trình biển		
17	7580203D110	Chuyên ngành Xây dựng công trình thủy		6.1
18	7580203D111	Chuyên ngành Kỹ thuật an toàn hàng hải		5.7
	7580201	Ngành Kỹ thuật công trình xây dựng		
16	7580201D112	Chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp		5.4
20	7580201D127	Chuyên ngành Kiến trúc và nội thất	Toán, Văn, Vẽ Toán, Anh, Vẽ Toán, Lý, Vẽ Toán, Hóa, Vẽ (Vẽ MT hệ số 2)	5.5
	7580205	Ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông		
21	7580205D113	Chuyên ngành Kỹ thuật cầu đường		6.2
	7480201	Ngành Công nghệ thông tin		
22	7480201D114	Chuyên ngành Công nghệ thông tin		8.5
23	7480201H114	Chuyên ngành Công nghệ thông tin (CLC)	Toán, Lý, Hóa	6.7
24	7480201D118	Chuyên ngành Công nghệ phần mềm	Toán, Lý, Anh	8.2
25	7480201D119	Chuyên ngành Kỹ thuật truyền thông và mạng máy tính	Toán, Văn, Anh	7.8
	7520320	Ngành Kỹ thuật môi trường		
26	7520320D115	Chuyên ngành Kỹ thuật môi trường		5.4
27	7520320D126	Chuyên ngành Kỹ thuật công nghệ hóa học		5.4

- Điểm xét tuyển tính bằng: điểm trung bình học tập tổ hợp môn xét tuyển (3 năm) + (điểm ưu tiên khu vực + điểm ưu tiên đối tượng)/3. Riêng đối với chuyên ngành Kiến trúc và nội thất, điểm xét tuyển tính bằng: (điểm trung bình môn 1 (3 năm) + điểm trung bình môn 2 (3 năm) + Điểm thi Vẽ mỹ thuật*2 + (điểm ưu tiên khu vực + điểm ưu tiên đối tượng)*4/3)/4.

III. Phương thức xét tuyển thẳng kết hợp

Thí sinh có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày 30/6/2018): IELTS 5.5; B2-Cambridge do Trung tâm khảo thí ủy quyền Cambridge English quốc tế mã số VN567 tổ chức thi tại Trường ĐH Hàng hải Việt Nam; TOEFL 513-ITP hoặc 65-iBT và có kết quả thi THPT năm 2018 đạt mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển đại học hệ chính quy năm 2018 (theo Thông báo số 653/TB-HĐTS ngày 16/7/2018 của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam) được tuyển thẳng theo nguyện vọng đăng ký xét tuyển.

IV. Một số lưu ý đối với thí sinh

1. Xác nhận nhập học và nhận Giấy triệu tập thí sinh trúng tuyển nhập học (Giấy triệu tập) từ **7h30 ngày 7/8/2018 đến 17h00 ngày 12/8/2018**

• Với phương thức xét tuyển theo điểm thi THPT và Phương thức xét tuyển thẳng kết hợp

Thí sinh cầm Giấy chứng nhận kết quả thi THPT bản chính (*giấy có mã vạch do Sở GDĐT cấp duy nhất một bản*) đến trường nộp để xác nhận nhập học. Nhà trường sẽ cấp Giấy triệu tập cho thí sinh khi nhận được giấy này.

Chú ý: Trường hợp thí sinh không nộp Giấy chứng nhận kết quả thi THPT bản chính coi như thí sinh không có nguyện vọng trúng tuyển Đợt 1. Nhà trường sẽ không tự gửi Giấy triệu tập cho thí sinh.

• Với phương thức xét tuyển theo Học bạ:

- Đối với những thí sinh tốt nghiệp năm 2018, để nhận giấy báo nhập học, thí sinh phải làm tương tự như trường hợp trúng tuyển theo Phương thức xét theo điểm thi THPT (Mục a).

- Với những thí sinh tốt nghiệp năm 2016, 2017 trúng tuyển theo hình thức xét học bạ thì cầm CMND đến để nhận giấy báo nhập học.

Giấy chứng nhận kết quả thi có thể chuyển qua đường bưu điện, khi Nhà trường nhận được sẽ gửi Giấy triệu tập lại cho thí sinh theo đường bưu điện.

Địa chỉ nhận giấy chứng nhận điểm thi: Phòng Đào tạo - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, Số 484 Lạch Tray, Lê Chân, TP.Hải Phòng, Điện thoại: 0225.3735138 / 3729690

2. Thí sinh trúng tuyển các chuyên ngành: **Điều khiển tàu biển (7840106D101), Khai thác máy tàu biển (7840106D102)** được đăng ký vào Lớp chọn (mỗi lớp khoảng 40 SV, giảng dạy phần chuyên ngành bằng tiếng Anh, mức học phí giữ nguyên như hệ đại học thông thường). Thí sinh thực hiện đăng ký trong Giấy triệu tập và nộp khi làm thủ tục nhập học.

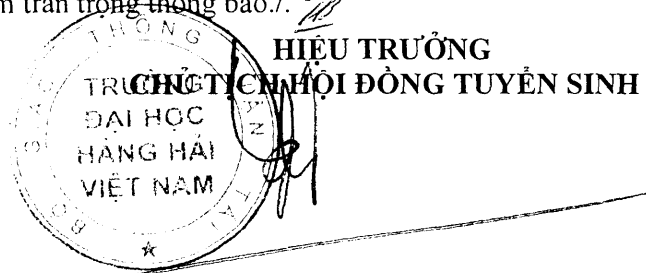
3. Lịch nhập học

Nhập học trong các ngày: 05, 06 & 07/09/2018. Lịch nhập học chi tiết của từng ngành và hướng dẫn thủ tục nhập học xem tại Website: <http://tuyensinh.vimaru.edu.vn> hoặc trên Giấy triệu tập.

Trường Đại học Hàng hải Việt Nam trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- BGH (để chỉ đạo);
- Các đơn vị trong toàn Trường;
- Website Trường, Website tuyển sinh;
- Lưu VT, ĐT.



GS.TS Lương Công Nhó